|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ĐỀ CHÍNH THỨC | **KIỂM TRA GIỮA KỲ II**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  **Môn: Ngữ văn – LỚP 7**  Thời gian: 90 phút (*không kể thời gian giao đề)* | |
|  | |  |

**PHẦN I: Đọc – hiểu (6 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**

**CÂU CHUYỆN CỦ CẢI TRẮNG**

*Mùa đông đã đến rồi trời lạnh buốt, Thỏ con không có gì để ăn cả. Thỏ con mặc áo vào rồi ra ngoài kiếm thức ăn. Nó đi mãi đi mãi cuối cùng cũng tìm được 2 củ cải trắng. Thỏ con reo lên:*

*- Ôi, ở đây có hai củ cải trắng liền, mình thật là may mắn!*

*Thỏ con đói bụng, muốn ăn lắm rồi. Nhưng Thỏ lại nghĩ:*

*- Ừm… trời lạnh thế này, chắc Dê con cũng không có cái gì để ăn đâu. Mình phải mang cho Dê con một củ mới được.*

*Thế là Thỏ con đi sang nhà bạn Dê nhưng Dê con không có nhà nên Thỏ đặt củ cải lên bàn rồi đi về.*

*Tình cờ, Dê con đi chơi cũng tìm được một củ cải trắng nhưng nó chỉ ăn trước một nửa.*

*Về đến nhà, lại thấy có một củ cải trắng ở trên bàn Dê thèm ăn lắm, nhưng lại nghĩ:*

*- Ôi trời lạnh thế này chắc Hươu con không có cái gì để ăn rồi, mình phải mang cho Hươu con mới được.*

*Dê con đến nhà Hươu nhưng Hươu lại đi vắng, Dê con bèn đặt củ cải ở trên bàn rồi về.*

*Khi Hươu về nhà, thấy củ cải ở trên bàn, Hươu ngạc nhiên lắm.*

*- Ồ, củ cải trắng ở đâu mà ngon vậy nhỉ. Xuỵt… thích quá. Nhưng chắc trời lạnh thế này, Thỏ con cũng không có gì ăn đâu.*

*Mình phải mang sang cho Thỏ mới được.*

*Khi Hươu đến thì Thỏ con đang ngủ rất say. Khi tỉnh dậy Thỏ lại thấy trên bàn mình xuất hiện một củ cải trắng.*

*Thỏ vui lắm nó chạy đi gọi các bạn:*

*- Bạn Hươu ơi, bạn Dê ơi hãy đến nhà tôi, chúng ta cùng ăn củ cải trắng thơm ngon này.*

*Thế là cuối cùng, củ cải trắng ấy được chia sẻ cho cả ba người bạn tốt bụng của chúng ta. Các bạn thấy đấy tấm lòng thơm thảo, sẵn sàng sẻ chia của các bạn ấy thật là đáng học tập phải không nào?*

*(Câu chuyện củ cải trắng, Theo* Tuệ Minh*)*

1. **Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất (từ câu 2 đến câu 7- 3,5 điểm)**

**Câu 1. (0,5đ).** Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại.

C. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngụ ngôn

**Câu 2**. **(0,5đ).** Đề tài của ***Câu chuyện củ cải trắng*** là gì?

A. Tôn trọng lẫn nhau B.Sức mạnh của đoàn kết

C. Quan tâm chia sẻ D. Trân trọng bạn bè

**Câu 3**. **(0,5đ).** Văn bản trên được kể bằng lời của ai?

A. Lời nhân vật Thỏ. B. Lời nhân vật Dê.

C. Lời nhân vật Hươu. D. Lời của người kể chuyện.

**Câu 4: (0,5đ).** Các phép liên kết được sử dụng trong các câu văn: *“Mùa đông đã đến rồi trời lạnh buốt, Thỏ con không có gì để ăn cả. Thỏ con mặc áo vào rồi ra ngoài kiếm thức ăn. Nó đi mãi đi mãi cuối cùng cũng tìm được 2 củ cải trắng.*” là gì?

A. Phép lặp và thế. B. Phép thế và tương phản.

C. Phép nối và lặp. D. Phép tương phản và thế.

**Câu 5. (0,5đ).** **Thành ngữ nào thể hiện đúng nội dung câu chuyện?**

**A.**Ăn cây nào rào cây ấy. **B.**Chia ngọt sẻ bùi.

**C.**Cá lớn nuốt cá bé. **D.**Cốc mò cò xơi.

**Câu 6. (0,5đ).** Câu nói của Thỏ cuối văn bản cho em hiểu gì về nhân vật Thỏ? *“Bạn Hươu ơi, bạn Dê ơi hãy đến nhà tôi, chúng ta cùng ăn củ cải trắng thơm ngon này.”*

A. **Thỏ là người có tấm lòng bao dung** B. **Thỏ là người có tấm lòng thơm thảo**

C. **Thỏ là người có tấm lòng đoàn kết** D. **Thỏ là người có tấm lòng vị tha**

**Câu 7**. **(0,5đ).** Dấu chấm lửng trong câu: “*- Ừm… trời lạnh thế này, chắc Dê con cũng không có cái gì để ăn đâu”* có công dụng gì?

A**.** Đánh dấu lời dẫn trực tiếp.

B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, ngắt quãng.

C. Làm giãn nhịp câu văn.

D. Tỏ ý còn nhiều điều vẫn chưa liệt kê hết.

**2. Trả lời câu hỏi (từ câu 8 đến câu 10 – 2,5 điểm)**

**Câu 8. (1.0đ) Nêu đặc điểm chung về tính cách, phẩm chất của 3 nhân vật trong câu chuyện trên.**

**Câu 9. (1.0đ) Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì?**

**Câu 10. (0,5đ) Trong những lúc khó khăn con người rất cần sự sẻ chia, em có đồng tình với ý kiến đó không? Hãy** viết đoạn văn từ 4-6 câu bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề đó.

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: “Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền”. Em hãy viết bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành của mình về ý kiến trên.

-----HẾT-----

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN** | **PHÊ DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỜNG** |
|  |  |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm** |
| **I.ĐỌC HIỂU** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | **D** | 0,5 |
| **2** | **C** | 0,5 |
| **3** | **D** | 0,5 |
| **4** | **A** | 0,5 |
| **5** | **B** | 0,5 |
| **6** | **B** | 0,5 |
| **7** | **B** | 0,5 |
| **8** | * *HS chỉ ra được phẩm chất chung phù hợp của các nhân vật trong truyện.*   Gợi ý: Các nhân vật đều tốt bụng; quan tâm đùm bọc lẫn nhau; chia sẻ yêu thương; nhường nhịn lẫn nhau; giúp đỡ lẫn nhau…  -Mức 1: HS trình bày được phẩm chất chung phù hợp, diễn đạt rõ ràng, sạch sẽ.  -Mức 2: HS trình bày được phẩm chất chung phù hợp, diễn đạt tương đối rõ ràng, sạch sẽ.  -Mức 3: HS trình bày được phẩm chất chung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt, trình bày chưa cẩn thận, sạch sẽ.  -Mức 4: HS trả lời không chính xác, không liên quan đến nhận thức, hoặc không trả lời.  Hskt: *Đạt điểm tối đa khi chỉ ra được chi tiết phù hợp và trả lời vì sao ở mức 2.* | 1,0  0,75  0,25-0,5  0 |
| **9** | * *HS chỉ ra được bài học phù hợp*   *\*Cách cho điểm:*  - Mức 1: HS trình bày được bài học phù hợp, sâu sắc, diễn đạt rõ.  - Mức 2: HS trình bày được bài học phù hợp, diễn đạt ở mức tương đối tốt.  - Mức 3: HS trình bày có ý diễn đạt chưa rõ  - Mức 4: Trả lời không chính xác, không liên quan đến nhận thức, hoặc không trả lời.  *HSKT: Đạt điểm tối đa khi chỉ ra được chi tiết phù hợp và trả lời vì sao ở mức 2.* | 1,0  1,0  0,5  0,25  0,0 |
| **10** | \* Yêu cầu Về hình thức:  -Viết đúng một đoạn văn, khoảng 4-6 câu.  - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...  \* Về nội dung: Gợi ý.  -Đem đến tình yêu thương, niềm hạnh phúc, động lực cho người được giúp đỡ, chia sẻ.  \*Cách cho điểm:  - Mức 1: HS trình bày được ý kiến đồng tình và nêu những suy nghĩ phù hợp, có sức thuyết phục, đảm bảo hình thức và nội dung.  - Mức 2: HS chỉ nêu được ý kiến đồng tình và trình bày được suy nghĩ của bản thân nhưng còn mơ hồ, diễn đạt còn vụng.  - Mức 3: Trả lời nhưng không chính xác, không liên quan đến nhận thức, hoặc không trả lời.  *HSKT: Đạt điểm tối đa chỉ cần viết đúng hình thức đoạn văn và nội dung ở mức 2.* | 0,5  0,25  0,0 |

**Phần II. VIẾT (4,0 điểm)**

\*Yêu cầu chung: HS viết được bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành về ý kiến “Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền”.

\*Đánh giá cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ đánh giá | | | | Ghi chú | |
| *1.Cấu trúc bài văn (0,25đ)* | 0,5đ | 0,25đ | | 0,0đ | **Mở bài:**  - Nêu được vấn đề nghị luận.  - Bày tỏ được ý kiến chung về vấn đề nghị luận (ý kiến tán thành).  **Thân bài:**  -. Giải thích từ ngữ: Sách, bạn hiền  - Cả câu nói dùng cách nói so sánh nhằm khẳng định vai trò lớn lao của cuốn sách tốt đối với con người.  -Bàn: Lí do tán thành (Gợi ý: Sách tốt cung cấp tri thức, kinh nghiệm sống; bồi đắp tâm hồn con người; nguồn giải trí thú vị và bổ ích). Dẫn chứng.  - Bài học nhận thức và hành động.  **- Kết bài:** khẳng định ý kiến và ý nghĩa của ý kiến tán thành về vấn đề nói tới. | |
| Bài viết đầy đủ ba phần chặt chẽ. Viết thành một bài văn. | Bài viết chưa đầy đủ 3 phần, viết thành bài văn | | Bài viết xây dựng một đoạn văn. |
| *2. Cách diễn đạt các lí lẽ bằng chứng làm sáng tỏ vấn đề. (0,5đ)* | 0,5đ | 0,25đ | | 0,0đ |
| Các lí lẽ, bằng chứng được thể hiện rõ ràng, sâu sắc, hướng tới làm sáng tỏ vấn đề bàn luận. | Các lí lẽ, bằng chứng được thể hiện chưa rõ ràng, có hướng tới vấn đề những sáng tỏ. | | Chưa biết cách dùng lí lẽ bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề bàn luận. |
| *3. Các lí lẽ, bằng chứng thể hiện sự tán thành đối với vấn đề bàn luận(2,0đ)* | 2,0- 2,25đ | 1,25 -1,75đ | 0,75đ-1,0đ | 0,5đ | 0,0đ |  |
| Giải thích được các từ ngữ quan trọng, lí lẽ rõ ràng, bằng chứng đa dạng thuyết phục được trình bày theo trình tự hợp lí làm sáng tỏ vấn đề bàn luận. | Giải thích được các từ ngữ quan trọng, lí lẽ rõ ràng, có bằng chứng và được trình bày hợp lý. | Giải thích được các từ ngữ quan trọng, có lí lẽ những chưa rõ ràng, có bằng chứng và trình bày tạm được. | Giải thích những có lí lẽ, bằng chứng và được trình loonk xộn. | Không biết viết bài văn nghị luận, làm sai hoàn toàn. |
| *4. Diễn đạt (0,25đ)* |  | 0,25đ | | 0,0đ |  | |
|  | Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | | Bài viết còn mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt. |
| *5. Trình bày (0,25đ)* |  | 0,25đ | | 0,0đ |
|  | Trình bày rõ ràng, sạch đẹp, không gạch xóa. | | Chữ viết khó đọc, nhiều chỗ gạch xóa. |
| *6. Sáng tạo (0,25đ)* | 0,25đ | 0,0đ | | |
| Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo, hay, hàm súc. | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. | | |

\*Đánh giá toàn bài:

|  |  |
| --- | --- |
| Mức điểm | Mức độ đánh giá |
| 4,0 | - Đảm bảo đầy đủ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, cảm xúc về bài văn nghị luận; làm sáng tỏ vấn đề và lời văn trong sáng; văn viết giàu chất nghị luận, lời lẽ sắc bén, giàu sức thuyết phục. |
| 3,75 - 2,75 | - Đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, biết làm sáng tỏ vấn đề những đôi chỗ còn chưa hay, chưa thuyết phục, còn mắc một vài lỗi diễn đạt. |
| 2,5 - 1,5 | - Đảm bảo yêu cầu cơ bản về bài văn nghị luận nhưng chưa hay. |
| 1,25 - 0,25 | - Bài viết nắm được cách làm bài văn nghị luận nhưng chưa rõ các ý kiến về vấn đề nghị luận. |
| 0,0 | - Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên. |
|  | HSKT: chỉ cần đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng cơ bản về bài văn nghị luận, bày tỏ được vấn đề nghị luận, có thể mắc một số lỗi diễn đạt vẫn cho điểm 2-4. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHUYÊN MÔN** | **PHÊ DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỜNG** |
|  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| PHÒNG GDĐT | **KHUNG MA TRẬN**  **KIỂM TRA CUỐI KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **Môn: Ngữ văn ; Khối lớp: 7** | **TỔ CHUYÊN MÔN** | **PHÊ DUYỆT**  **CỦA NHÀ TRƯỜNG** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  **(Số câu)** | | **Thông hiểu**  **(Số câu)** | | **Vận dụng**  **(Số câu)** | | **Vận dụng cao**  **(Số câu)** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Truyện Ngụ ngôn** | **4** | **0** | **3** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1** | **10** |
| **Tỉ lệ % điểm** | | | **20** |  | **15** | **10** |  | **10** |  | **5** | **60** |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (ý kiến tán thành)** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **1** | **1** | **1** |
| **Tỉ lệ % điểm** | | |  | **10** |  | **15** |  | **10** |  | **5** | **40** |
| **Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức** | | | **30** | | **40** | | **20** | | **10** | | **100** |

**NỘI DUNG BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức, kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** |
|
| **1** | **Đọc hiểu:**  Truyện Ngụ ngôn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức của thể loại truyện: Ngôi kể, nhân vật, sự việc,…  -Nhận biết được phép liên kết được sử dụng trong ngữ liệu,…  **Thông hiểu:**  - Xác định được đề tài, chi tiết  - Hiểu được nghĩa của thành ngữ được sử dụng trong câu văn; hiểu được tính cách nhân vật, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của truyện.  - Nêu được tác dụng của dấu câu.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn nhận cuộc sống, con người của tác giả qua tác phẩm/ đoạn trích truyện.  - Nêu được ấn tượng về văn bản, những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. |
| **2** | **Viết:**  Viết bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành của em về ý kiến: “Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền”. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sông (ý kiến tán thành).  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản)  **Vận dụng:** Viết được một bài văn nghị luận: biết cách dẫn dắt vấn đề; giải thích được các từ ngữ quan trọng, bàn luận, dẫn dắt vấn đề, đưa ra lí lẽ, bằng chứng một cách hợp lí.  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo trong việc lựa chọn lý lẽ, dẫn chứng; có sáng tạo trong cách dùng từ, diễn đạt. |